

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/ HSST

Ngày: 09/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Chiến

2- Bà Khuất Thị Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thắt, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thắt tham gia phiên tòa:

Ông Phùng Văn Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thắt, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Cấn Văn D, sinh năm 1984 tại xã B, huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện T, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn Hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Cấn Văn T và bà Cấn Thị H; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự số 13/2015/HSST ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt Cấn Văn D 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 22/8/2015 bị cáo D đã chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong án phí, nghĩa vụ dân sự vào ngày 18/8/2015 (Đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1994 tại xã S, huyện Q, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện Q, Thành phố H; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự số 36/2011/HSST ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (Sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2015 (Chưa được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn 1, xã C, huyện T, Thành phố H. Vắng mặt.

2. Anh Chu Ngọc T2, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 3, xã C, huyện T, Thành phố H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đào Mạnh H1, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm 3, P, xã S, huyện Q, Thành phố H. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Anh Bùi Thế T3, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 12, phường S, quận L, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 24/8/2017, Cấn Văn D và Nguyễn Văn S đang nghỉ tại nhà nghỉ “2 sao” thuộc xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội thì D nói với S: “Đi xem có kiếm được đồng nào không” cả hai đều tự hiểu là đi tìm xem nhà ai sơ hở tài sản gì để trộm cắp, S đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe máy chở D đi tìm kiếm tài sản, khi đến thôn 1, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất thì bị cáo D phát hiện một xe ô tô nhãn hiệu KIA THACO, biển kiểm soát 29C-711.50, màu xanh của anh Nguyễn Văn D đỗ ở ven đường liên xã, có cắm 01 chìa khóa xe trong ổ khóa, trên thùng xe để các đồ gỗ công nghiệp thành phẩm là tài sản của anh Chu Ngọc T2 do anh Nguyễn Văn D1 chở thuê. D bảo S quay xe lại, quan sát xung quanh không có người, D xuống xe nhặt một viên gạch đập 04 phát vào kính chắn gió bên ghế lái của xe làm vỡ kính, rồi D lên xe nổ máy điều khiển xe đi khỏi hiện trường. Khi ra đường tỉnh lộ 419, D nói với S “mày cứ về đi có gì anh nói chuyện sau”. S đi về nhà mình nghỉ. Đến khoảng 04 giờ

cùng ngày, D đi đến trạm thu phí Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang nhưng không có tiền để trả nên D đỗ xe và gọi điện cho Đào Mạnh H1- sinh năm 1990 ở thôn P, xã S, huyện Q, nói “Anh đang hết tiền ở chân cầu Thanh Trì, mang tiền lên cho anh”. Sau đó H1 gọi điện cho Nguyễn Văn S nói “Anh D hết tiền ở chân cầu Thanh Trì, đi xuống đây tao với mày ra đưa tiền cho anh D”, sau đó S điều khiển xe máy đến chở H1 cùng đi. Đến khoảng 05 giờ 36 phút cùng ngày, S và H1 đến gặp D, H1 đưa cho D 300.000 đồng. D cầm tiền và điều khiển xe qua trạm thu phí. D bảo S và H1 đi theo D luôn. D lái xe ô tô biển kiểm soát 29C-711.50 đi đến thành phố Bắc Ninh, S và H1 điều khiển xe máy đi theo. D đi lòng vòng quanh thành phố Bắc Ninh để tìm chỗ bán chiếc xe ô tô vừa trộm cắp được nhưng không có chỗ bán. D gọi điện cho Bùi Thế T3- sinh năm 1978 ở phường S, quận L, thành phố H nói có chiếc xe cần bán nhưng bị mất giấy tờ, nhờ T3 bán hộ. Sau đó, T3 gọi cho Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1987 ở thôn C, xã T, huyện T, tỉnh B nhờ bán hộ chiếc xe ô tô trên. Sau đó, D gặp Đ ở huyện Thuận Thành, Bắc Ninh, D nói cần bán xe nhưng bị mất giấy tờ, nhờ Đ mang đi bán hộ. Khi Đ đang đi bán xe tại tỉnh Bắc Giang thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang kiểm tra, phát hiện và thu giữ tang vật đồng thời đưa D, Đ, S, T3 về trụ sở Công an tỉnh Bắc Giang để làm rõ.

Tang vật thu giữ: Toàn bộ tài sản thu giữ được liệt kê sau đây và căn cứ Bản kết luận định giá số 60/KL-HĐĐG ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạch Thất, các tài sản do D và S trộm cắp có giá trị như sau:

- 01 ô tô nhãn hiệu KIA THACO, biển kiểm soát: 29C-711.50, màu xanh; số khung: 40AKGC088689; số máy: J2739547 có giá trị là 224.630.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

- 01 Tủ áo chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 2,43m x 1,85m có giá trị 8.991.000 đ (Tám triệu chín trăm chín một nghìn đồng).

- 01 Tủ áo chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 1,70m x 2,43m có giá trị 8.262.000 đ (Tám triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng).

- 02 giường ngủ chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 1,8m x 2m có giá trị 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng).

- 01 bàn học chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 3,4m x 75cm x 50cm và 01 giá sách treo tường chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 2,40m x 1,1m có giá trị 6.800.000 đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- 01 bàn trang điểm treo tường chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 78cm x 50cm có giá trị 2.000.000 đ (Hai triệu đồng).

- 01 táp đầu giường chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 80cm x 35cm x 30 cm có giá trị 750.000 đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 bàn chè chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 1,2m x 70cm x 35 cm có giá trị 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 tủ để giày bằng gỗ công nghiệp kích thước 90cm x 1,2m có giá trị 3.000.000 đ (Ba triệu đồng).

- 01 tủ bếp bằng gỗ công nghiệp kích thước 1,40m x 2,2 m có giá trị 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

- 01 bàn đảo bếp bằng gỗ công nghiệp kích thước 1,4m x 60cm x 2,2m có giá trị 4.900.000 đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

- 01 tủ ngăn phòng chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 2,63m x 1,4m x 15cm có giá trị 4.418.000 đ (Bốn triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng)

- 01 kệ treo tường chưa lắp ráp bằng gỗ công nghiệp kích thước 2,40m x 35cm x 25cm có giá trị 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng).

- 01 máy nén khí loại 200W nhãn hiệu LISHAN có giá trị 1.900.000 đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng số tài sản mà bị cáo D và bị cáo S trộm cắp có giá trị là 291.051.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Đối với Đào Mạnh H1 là người đi cùng Nguyễn Văn S và Cấn Văn D trong quá trình D đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do H1 không biết xe ô tô biển kiểm soát: 29C-711.50 mà D và S mang đi bán là xe do trộm cắp mà có, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Bùi Thế T3 và Nguyễn Văn Đ là người được Cấn Văn D nhờ bán hộ chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 29C - 711.50. Do T3 và Đ không biết chiếc xe ô tô trên là xe trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát: 29C-711.50 cho anh Nguyễn Văn D1 và trả lại các tài sản là đồ gỗ công nghiệp nêu trên cho anh Chu Ngọc T2.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn D1 và anh Chu Ngọc T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì về tài sản.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cấn Văn D, Nguyễn Văn S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 05/CT- VKS ngày 15/01/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Cấn Văn D và bị cáo Nguyễn Văn S về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Cấn Văn D từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51;

Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cấn Văn D, Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án và lời khai bị hại, lời khai người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 24/8/2017, Cấn Văn D và Nguyễn Văn S có hành vi lợi dụng đêm khuya để trộm cắp 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C 711.50 giá trị 224.630.000đồng của anh Nguyễn Văn D1 đỗ ở đường liên xã thuộc thôn 1, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Hà Nội và số tài sản là đồ gỗ công nghiệp thành phẩm có giá trị 66.421.000đồng của anh Chu Ngọc T2 ở thôn 3, xã Chàng Sơn do anh Nguyễn Văn D1 chở thuê được xếp trong thùng xe ô tô biển kiểm soát 29C 711.50. Vậy, tổng giá trị tài sản Cấn Văn D và Nguyễn Văn S chiếm đoạt là 291.051.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Hành vi trên của các bị cáo Cấn Văn D, Nguyễn Văn S đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Số tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị 291.051.000đồng, là tình tiết tăng nặng định khung theo Điểm a Khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Tại Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về mức hình phạt đối với tội “Trộm cắp tài sản” ngang bằng với mức hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người rủ bị cáo S đi trộm cắp tài sản, Bị cáo D là người phát hiện tài sản và trực tiếp lấy trộm tài sản và mang đi tiêu thụ. Bị cáo S điều khiển

xe máy chở bị cáo D đi tìm tài sản để trộm cắp. Vậy, vai trò của bị cáo D cáo hơn bị cáo S và đứng đầu trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Cấn Văn D và Nguyễn Văn S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Nguyễn Văn D1 và anh Chu Ngọc T2, làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nên phải có hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo thành người tốt.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bản án hình sự số 36/2011/HSST ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt bị cáo S 06 (Sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”, chưa được xóa án tích. Ở thời điểm phạm tội theo bản án hình sự số 36/2011/HSST ngày 30/6/2011 thì bị cáo S trên 16 tuổi và phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, lần này bị cáo lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự thì lần này bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Đào Mạnh H1 là người đi cùng Nguyễn Văn S và Cấn Văn D trong quá trình D đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do H không biết xe ô tô biển kiểm soát: 29C-711.50 mà D và S mang đi bán là xe trộm cắp mà có, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Đối với Bùi Thế T3 và Nguyễn Văn Đ là người được Cấn Văn D nhờ bán hộ chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 29C - 711.50. Do T3 và Đ không biết chiếc xe ô tô trên là xe trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát: 29C-711.50 cho anh Nguyễn Văn D1 và trả lại các tài sản theo Biên bản kiểm kê tài sản ngày 25/8/2017 cho anh Chu Ngọc T2 là đúng pháp luật.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn D1 và anh Chu Ngọc T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Cấn Văn D, Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Cần Văn D** 08(Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2017.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2017.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Cần Văn D, Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Đỗ Ngọc Sơn

